

Số: 654/2020/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 883/2020/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Anh N.H.Đ**, sinh năm 1974; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 348 phố T, tổ 5A, phường N quận Đ, Thành phố H; chỗ ở: C3 TT V, phường N, quận Đ, Thành phố H.

- **Chị N.T.H.G**, sinh năm 1978; Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 348 phố T, tổ 5A, phường N, quận Đ, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh N.H.Đ và chị N.T.H.G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận Đ, Thành phố H ngày 14/12/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2018 đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính cách, vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế, không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, không thể hòa giải được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2020 đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm đến nhau. Nay anh Đoàn, chị Giang xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không thể, anh chị cùng đề nghị được Tòa án giải quyết thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh N.H.Đ và chị N.T.H.G xác nhận có một con chung là cháu N.T.L(nữ), sinh ngày 19/9/2007. Ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cho anh N.H.Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N.T.L và chị G cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đồng/tháng.

[3] Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh N.H.Đ và chị N.T.H.G không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về nợ: Anh N.H.Đ và chị N.T.H.G tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh N.H.Đ tự nguyện chịu cả 300.000đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh N.H.Đ và chị N.T.H.G.

- Về con chung: Xác nhận anh N.H.Đ và chị N.T.H.G có một con chung là cháu N.T.L(nữ), sinh ngày 19/9/2007. Giao cho anh N.H.Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N.T.L và chị Giang cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 11/2020 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có quyết định khác của pháp luật thay thế.

Chị N.T.H.G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh N.H.Đ và chị N.T.H.G không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ: N.H.Đ và chị N.T.H.G tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh N.H.Đ tự nguyện chịu cả 300.000đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014955 ngày 16 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Kiều My